

Số: /KH-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH

thực hiện Chương trình số 20-CTr/TU ngày 25/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 – 2030

Thực hiện Chương trình số 20-CTr/TU ngày 25/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 – 2030 (sau đây viết tắt là Chương trình số 20-CTr/TU); UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến đến các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh và triển khai kịp thời, có hiệu quả các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch hành động số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; qua đó, nhằm góp phần đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, động lực chính để đưa Bắc Ninh phát triển bứt phá, giàu mạnh.

2. Xác định rõ các mục tiêu chung, chỉ tiêu chủ yếu, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong giai đoạn 2026 - 2030, gắn với phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, định hướng điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I; bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, khả thi, thống nhất, không hình thức, không dàn trải, với tinh thần “6 rõ”¹. Chuyển mạnh từ việc làm theo kế hoạch sang làm theo mục tiêu và sản phẩm; từ báo cáo tiến độ sang báo cáo hiệu quả; từ "có làm" sang "làm đến nơi đến chốn". Chủ động đề xuất nhiệm vụ của mình, không chờ cấp trên giao nhiệm vụ; chủ động kiến nghị cấp trên chỉ đạo, xem xét, cho ý kiến những vấn đề vượt thẩm quyền; chủ động phối hợp chặt chẽ trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ có liên quan; ưu tiên bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn lực. Tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá định kỳ, đột xuất, bảo đảm hiệu quả trong thực hiện.

¹ Gồm: Rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thật sự là đột phá quan trọng hàng đầu, động lực chính để đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng hiện đại, bền vững. Tập trung nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số minh bạch, hiệu quả; xây dựng hạ tầng số, nền tảng số thống nhất, ổn định, bảo đảm liên thông, tái sử dụng về mặt dữ liệu, an toàn, bảo mật thông tin và an ninh mạng. Phân đầu đưa Bắc Ninh nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII), chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) và chỉ số năng suất nhân tố tổng hợp (TFP), góp phần xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

Có Phụ lục 1 kèm theo.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM (Có Phụ lục 2 kèm theo).

IV. GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ (Có Phụ lục 3 kèm theo).

V. NGUỒN LỰC BẢO ĐẢM

Đến năm 2030, bảo đảm tỷ lệ chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo/tổng chi ngân sách không thấp hơn 2%; bảo đảm tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số/GRDP không thấp hơn 3%.

Huy động các nguồn lực xã hội, hợp pháp khác cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, xây dựng kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện, bảo đảm bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, tinh thần “6 rõ”; **hoàn thành trong tháng 4/2026** và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, theo dõi, báo cáo UBND tỉnh.

2. Các sở, thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể theo phân công; tăng cường kiểm tra, đôn đốc trong quá trình triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện (*hàng tháng trước ngày 20 hàng tháng, hàng quý trước ngày 15 tháng cuối quý, hàng năm trước ngày 20/11 lồng ghép vào báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW*) gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy.

3. Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ, phân công và quy định phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, địa phương bảo đảm nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch này.

4. Đề nghị các cơ quan: Công an tỉnh, Bộ CHQS tỉnh, Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh, Tỉnh đoàn thanh niên, Thống kê tỉnh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 12 phối hợp, xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung và chỉ tiêu được giao trong Kế hoạch này. Phối hợp báo cáo kết quả định kỳ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh theo tinh thần tại mục 2, phần VI nêu trên.

5. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hằng năm báo cáo và kiến nghị UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và hiệu quả Kế hoạch này; bám sát các nội dung liên quan trong chương trình làm việc của Tỉnh ủy, HĐND, UBND để thực hiện việc báo cáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình số 20-CTr/TU. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động đề xuất gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Báo và PTTH tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, KGVX, KTTH, TH;
- Lưu: VT, TTPVHCC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Sơn

PHỤ LỤC I

Phân công thực hiện mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030

(kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2026 của UBND tỉnh)

TT	Tên chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan chủ trì
A	Nghiên cứu khoa học			
1	Số công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu mỗi năm	Công trình	≥ 40	Sở KH&CN
2	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai mỗi năm	Nhiệm vụ	≥ 50	Sở KH&CN
3	Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.	%	≥ 60	Sở KH&CN
4	Số bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI) mỗi năm	Bài báo	≥ 150	Sở KH&CN
5	Số công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/khu vực mỗi năm	Công trình	≥ 3	Sở KH&CN
B	Phát triển công nghệ			
6	Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn.	Doanh nghiệp	≥ 70	Sở KH&CN
7	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh	Tổ chức	≥ 6	Sở KH&CN
8	Số đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích) mỗi năm	Đơn đăng ký	≥ 40	Sở KH&CN
9	Số sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh mỗi năm	Sáng chế, giải pháp	≥ 20	Sở KH&CN

TT	Tên chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan chủ trì
C	Đổi mới sáng tạo			
10	Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	≥ 55	Sở Tài chính
11	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII)	Thứ bậc	Top 6	Sở KH&CN
12	Số vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.	Tổ chức	≥ 3	Sở KH&CN
13	Số dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh mỗi năm	Dự án	≥ 30	Sở KH&CN
D	Chuyển đổi số			
14	Quy mô kinh tế số/GRDP	% GRDP	≥ 45	Sở KH&CN
15	Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI)	Điểm	≥ 0.75	Sở KH&CN
16	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Thứ bậc	5	Sở Tài chính
17	Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index)	Thứ bậc	5	Sở Nội vụ
18	Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)	Thứ bậc	3	Sở Nội vụ
19	Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	Thứ bậc	3	Văn phòng UBND tỉnh
20	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	% dân số	100	Sở KH&CN
21	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps	% người sử dụng	100	Sở KH&CN
22	Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hạ tầng cáp quang tốc độ cao sẵn sàng cho việc kết nối các trạm 5G và thiết bị IoT	%	100	Sở KH&CN

TT	Tên chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan chủ trì
23	Số lượng kết nối IoT	Số kết nối trung bình mỗi người dân	≥ 4 và cao hơn bình quân cả nước	Sở KH&CN
24	Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn tỉnh	%	100	Sở KH&CN
25	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	≥ 60	Sở KH&CN
26	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
27	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
28	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
29	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
30	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	≥ 80	Văn phòng UBND tỉnh
31	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	100	Sở KH&CN
32	Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	%	100	Sở KH&CN
33	Tỷ lệ các hệ thống thông tin phê duyệt và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	%	100	Công an tỉnh
34	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương.	%	≥ 80	Sở KH&CN

TT	Tên chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan chủ trì
35	Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	%	≥ 85	Sở KH&CN
36	Tỷ lệ cung cấp dữ liệu mở theo Kế hoạch	%	100	Sở KH&CN
37	Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	%	≥ 90	Sở KH&CN
38	Quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100	Sở KH&CN
39	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
40	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	100	Sở KH&CN
41	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).	%	≥ 80	Công an tỉnh
42	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số	%	≥ 70	Tỉnh đoàn Bắc Ninh
43	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	≥ 95	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 12
44	Bệnh viện không giấy tờ	%	100	Sở Y tế
E	Nguồn lực			
45	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo/tổng chi ngân sách	% ngân sách	≥ 2	Sở Tài chính
46	Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số/GRDP	% GRDP	≥ 3	Sở Tài chính

Phụ lục II

Phân công thực hiện nhiệm vụ trọng tâm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030

(kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2026 của UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
I	Nhiệm vụ trọng tâm về nghiên cứu khoa học				
	<i>Lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ</i>				
1	(i) Nghiên cứu ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị.	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	
2	(ii) Nghiên cứu ứng dụng Internet vạn vật (IoT), cảm biến, thiết bị bay không người lái (drone) và trí tuệ nhân tạo (AI) trong xây dựng các mô hình nông nghiệp chính xác, truy xuất nguồn gốc.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	
3	(iii) Nghiên cứu ứng dụng công nghệ số trong dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu (lũ lụt, sạt lở đất,...).	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	
4	(iv) Nghiên cứu ứng dụng công nghệ để cải tiến, nâng cao chất lượng các dịch vụ công, dịch vụ công ích; cung cấp dịch vụ công thông minh, hỗ trợ tiếp nhận, xử lý hồ sơ, tương tác với người dân, doanh nghiệp.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	
5	(v) Nghiên cứu quy trình kiểm thử chip bán dẫn.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành liên quan	2027	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
	<i>Lĩnh vực khoa học y, dược</i>				
6	(i) Tiếp nhận, chuyển giao và ứng dụng các kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật hiện đại hỗ trợ chẩn đoán, điều trị các bệnh di truyền, truyền nhiễm và phòng, chống dịch bệnh.	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	
7	(ii) Ứng dụng công nghệ sinh học; hợp tác với các viện, trường, doanh nghiệp trong triển khai công nghệ tế bào gốc, các kỹ thuật y học chính xác để điều trị các bệnh hiếm nghèo, bệnh di truyền (như: Ung thư, tim mạch,...); ứng dụng các liệu pháp tái tạo nhằm phục hồi chức năng cơ thể.	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; viện, trường, cơ sở y tế, doanh nghiệp	2026-2030	
8	(iii) Nâng cao năng lực kiểm nghiệm, xét nghiệm các sản phẩm, chế phẩm có nguồn gốc sinh học mới phục vụ bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ Nhân dân.	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; viện, trường, cơ sở y tế	2026-2030	
	<i>Lĩnh vực khoa học nông nghiệp và môi trường</i>				
9	(i) Nghiên cứu chọn tạo, phát triển giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng và giá trị cao; bảo tồn, phát triển các nguồn gen tốt, gen đặc hữu nhằm phát huy hiệu quả đối với giống cây trồng, vật nuôi, rau quả đặc sản, thế mạnh của tỉnh; nghiên cứu cải tạo giống vại thiêu trên địa bàn tỉnh để rải vụ, trái vụ, kéo dài thời gian thu hoạch sau chính vụ; nghiên cứu một số giống cây trồng mới (cam, bưởi, na,...) kéo dài chu kỳ trồng theo hướng bền vững, hạn chế tình trạng thoái hoá phải thay thế giống.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; viện, trường, doanh nghiệp	2026-2030	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
10	(ii) Nghiên cứu ứng dụng thành tựu cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; khai thác, bảo vệ nguồn nước sinh hoạt, nước tưới bền vững; nâng cao hiệu quả các công trình thủy lợi.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; viện, trường, doanh nghiệp	2026-2030	
11	(iii) Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong các quy trình sản xuất nông sản địa phương theo chuỗi giá trị, ưu tiên các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng, tiềm năng, sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) phục vụ mục đích nội tiêu và xuất khẩu gắn với bảo hộ, khai thác quyền sở hữu trí tuệ và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, phát triển mô hình nông nghiệp số, nông nghiệp tuần hoàn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; viện, trường, doanh nghiệp	2026-2030	
12	(iv) Nghiên cứu phát triển, sản xuất các chế phẩm vi sinh vật và enzyme chuyên biệt để phân hủy các chất gây ô nhiễm khó xử lý đối với nước thải, chất thải rắn, góp phần giải quyết triệt để ô nhiễm môi trường nông thôn, thành thị, nhất là các khu vực bị ảnh hưởng bởi lũ lụt, thiên tai, trong các làng nghề và khu, cụm công nghiệp của tỉnh; ứng dụng chế phẩm vi sinh trong xử lý chất thải chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản theo hướng tuần hoàn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; viện, trường, doanh nghiệp	2026-2030	
	<i>Lĩnh vực khoa học xã hội</i>				

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
13	(i) Nghiên cứu làm mới động lực tăng trưởng truyền thống, thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới gắn với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; xu thế chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; tổng kết thực tiễn trong việc hoạch định, thực hiện các chủ trương, nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp về chính sách hỗ trợ phát triển các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương; viện, trường, doanh nghiệp	2026-2030	
14	(ii) Nghiên cứu xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo, văn hóa số; đặc điểm hình thành, vận động và phát triển văn hóa, tôn giáo ở tỉnh và tác động của các xu thế mới trong bối cảnh hội nhập quốc tế; kết hợp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa với phát triển công nghiệp văn hóa, hình thành các sản phẩm du lịch thông minh.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ; viện, trường.	2026-2030	
15	(iii) Nghiên cứu đổi mới phương thức quản lý nhà nước của chính quyền địa phương 2 cấp trong bối cảnh tinh gọn bộ máy, phân cấp, phân quyền, chuyển đổi số.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
16	Thực hiện có hiệu quả Đề án ứng dụng công nghệ sinh học xây dựng và phát triển ngành công nghiệp sinh học tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (ban hành kèm theo Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
II	Phát triển công nghệ				
	<i>Công nghệ thông tin và truyền thông</i>				
17	(i) Ứng dụng rộng rãi công nghệ điện toán đám mây, IoT, AI, blockchain, bản sao số, thực tế ảo, bán dẫn.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
18	(ii) Xây dựng, hình thành các cơ sở dữ liệu lớn làm nòng cốt thúc đẩy chuyên đổi số, phát triển kinh tế số, chính phủ số, xã hội số.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Theo lộ trình của Trung ương và tỉnh	
19	(iii) Ứng dụng làm chủ lĩnh vực an toàn thông tin, an ninh mạng, tập trung vào các giải pháp tường lửa, phát hiện và ngăn chặn xâm nhập hiệu quả các cuộc tấn công trên không gian mạng.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
20	(iv) Đẩy mạnh phát triển hạ tầng và ứng dụng mạng di động thế hệ sau (5G), sẵn sàng triển khai mạng 6G.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
	<i>Công nghệ chế tạo, tự động hóa tập trung vào chuyển giao ứng dụng, cải tiến, từng bước sáng tạo công nghệ gồm:</i>				

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
21	(i) Công nghệ chế tạo hệ thống thiết bị tiết kiệm năng lượng.	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
22	(ii) Công nghệ in 3D, thiết kế ngược và tạo mẫu nhanh tiên tiến dùng trong sản xuất các chủng loại thiết bị công nghiệp, thiết bị điện, sản phẩm kim loại và composite cao cấp.	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
23	(iii) Hệ thống, dây chuyền chế biến thực phẩm tiên tiến cho nông sản và hệ thống bảo quản, giám sát chất lượng sau thu hoạch.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
24	(iv) Công nghệ tự động hóa đo lường và xử lý thông tin, điều khiển tự động các quá trình sản xuất.	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
25	(v) Công nghệ sản xuất chip vi điều khiển, linh kiện bán dẫn trong các thiết bị tự động hóa.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
26	(vi) Công nghệ sản xuất thiết bị phụ trợ cơ bản trong tự động hóa, công nghệ robot, dây chuyền sản xuất tự động.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
	<i>Công nghệ phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu tập trung vào:</i>				
27	(i) Ứng dụng, làm chủ công nghệ trong dự báo tác động của biến đổi khí hậu lên hệ thống tự nhiên và xã hội, công nghệ về giảm phát thải khí nhà kính.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
28	(ii) Ứng dụng công nghệ trong nhận dạng, dự báo, cảnh báo các loại hình thiên tai, đặc biệt những loại hình thiên tai nguy hiểm ở những vùng có nguy cơ cao của tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
	<i>Công nghệ năng lượng tập trung vào:</i>				
29	(i) Chuyển giao ứng dụng công nghệ năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh, công nghệ tích trữ năng lượng tiên tiến, pin nhiên liệu.	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
30	(ii) Chuyển giao ứng dụng công nghệ bức xạ trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội; các giải pháp bảo đảm an toàn bức xạ và an toàn hạt nhân, đặc biệt là trong y tế, nông nghiệp, công nghiệp và môi trường.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
31	Công nghệ môi trường tập trung vào đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng, cải tiến, làm chủ công nghệ sản xuất sạch, công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, công nghệ tái chế chất thải.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
	<i>Công nghệ xây dựng, giao thông và hạ tầng tiên tiến, thông minh tập trung vào:</i>				
32	(i) Chuyển giao ứng dụng công nghệ chế tạo các vật liệu mới tiên tiến phục vụ công nghiệp và xây dựng (Như: Các vật liệu chức năng có cơ lý tính biến đổi, vật liệu polyme và composite tiên tiến, vật liệu kim loại và hợp kim tiên tiến, các lớp phủ bảo vệ chống chịu các điều kiện khắc nghiệt, gốm kỹ thuật tiên tiến, vật liệu thông minh, các vật liệu mới có khả năng hấp thụ hoặc	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
	trong suốt với các sóng điện tử, vật liệu in 3D, các loại hóa chất, vật liệu phục vụ ngành cơ khí chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, vật liệu tái chế trong xây dựng công trình giao thông; các vật liệu tiên tiến phục vụ nông nghiệp như phân bón có kiểm soát, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, bao bì bảo quản thông minh, các loại vật liệu cải tạo đất, đất nhân tạo; vật liệu phân hủy sinh học giảm thiểu ô nhiễm môi trường (vật liệu phân hủy sinh học thay thế nhựa plastic, màng phân hủy sinh học).				
33	(ii) Ứng dụng, cải tiến, làm chủ kỹ thuật và các công nghệ tiên tiến trong thiết kế, xây dựng các công trình hạ tầng, giao thông, thủy lợi, đô thị thông minh.	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
34	<p>Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 16/10/2025 của UBND tỉnh về xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn tỉnh Bắc Ninh đến năm 2035; Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 16/10/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ. Chú trọng chuyển giao công nghệ chiến lược, công nghệ cao, công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao từ các doanh nghiệp FDI cho doanh nghiệp Việt Nam. Thúc đẩy chuyển giao kết quả nghiên cứu từ các tổ chức khoa học công nghệ, viện, trường cho doanh nghiệp trên địa bàn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tăng cường quản lý nhà nước về công nghệ, nhất là công nghệ hạn chế chuyển giao, công nghệ ảnh hưởng đến sức khỏe con người, công nghệ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật.</p>	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
35	<p>Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) của địa phương tham gia chuỗi cung ứng sản xuất của tập đoàn, doanh nghiệp lớn trên địa bàn.</p>	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
III	Nhiệm vụ trọng tâm về đổi mới sáng tạo toàn dân, lấy doanh nghiệp là trung tâm, xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo mở				

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
36	<p>Xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo. Xác định đây là cuộc cách mạng toàn diện, toàn dân, lâu dài đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở. Tinh thần đổi mới sáng tạo phải được thấm nhuần trong mọi lĩnh vực, từ quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đến các phong trào, giải pháp thiết thực trong đời sống hằng ngày của mỗi người dân. Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển đổi mới sáng tạo và thúc đẩy sự liên kết giữa người dân, doanh nghiệp với nhà khoa học. Khuyến khích cái mới, tinh thần dám mạo hiểm và chấp nhận thất bại, tôn trọng sự khác biệt. Tạo chuyển biến thực chất về đổi mới sáng tạo trong khu vực công.</p>	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp, nhân dân	Thường xuyên	
37	<p>Thúc đẩy hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đổi mới sáng tạo trong người dân và doanh nghiệp. Phát huy vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong hệ thống đổi mới sáng tạo, thật sự là chủ thể trực tiếp thực hiện sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, là nơi biến ý tưởng, tài sản trí tuệ thành sản phẩm, dịch vụ cụ thể mang lại lợi ích kinh tế, giá trị gia tăng. Triển khai có hiệu quả Công Sáng kiến khoa học và công nghệ; làm tốt công tác đánh giá, phân loại, sàng lọc sáng kiến có tiềm năng để nuôi dưỡng, thương mại hóa. Hình thành hệ sinh thái sáng kiến mở, thúc đẩy kết nối giữa nhà khoa học, doanh nghiệp, cơ quan quản lý và toàn xã hội. Hỗ trợ triển khai rộng rãi các công cụ và phương pháp quản lý, khai thác giá trị tài sản trí tuệ.</p>	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Hằng năm	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
38	<p>Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp trên địa bàn theo Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 16/10/2025 của UBND tỉnh. Xây dựng bản đồ công nghệ; cơ sở dữ liệu về công nghệ, sáng chế, chuyên gia. Ban hành danh mục nhu cầu công nghệ của địa phương. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa có tiềm năng trở thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ.</p>	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Hàng năm	
39	<p>Phát triển thị trường khoa học và công nghệ theo Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 16/10/2025 của UBND tỉnh. Thúc đẩy hoạt động kết nối cung cầu và chuyển giao công nghệ. Tổ chức sự kiện trình diễn, giới thiệu công nghệ mới, công nghệ tiên tiến đã và đang được ứng dụng; tổ chức các diễn đàn đối thoại giữa cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp, cộng đồng khởi nghiệp, cơ sở nghiên cứu để chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng sáng tạo, nhu cầu đổi mới. Phát triển hệ thống các tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ tìm kiếm, đánh giá, định giá, môi giới, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ. Kết nối các sàn giao dịch công nghệ với các trung tâm ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ trong và ngoài tỉnh; thu hút sự tham gia của các trung tâm nghiên cứu và phát triển của các tập đoàn lớn tạo thành mạng lưới để hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp. Đồng thời, phát huy vai trò các hiệp hội, hội doanh nghiệp trong kết nối, tư vấn cho hội viên về quản trị công nghệ.</p>	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương; viện, trường, doanh nghiệp	2026-2030	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
40	<p>Phát huy mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp sáng tạo toàn dân dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, chuyên đổi số. Duy trì tổ chức ngày hội đổi mới sáng tạo nhằm phát hiện, lựa chọn các ý tưởng, dự án có tính khả thi cao để hỗ trợ triển khai và nhân rộng; kết nối các tác giả có ý tưởng, dự án sáng tạo với nhà đầu tư, quỹ hỗ trợ để ươm tạo thành sản phẩm, dịch vụ cụ thể; đồng thời, tôn vinh các điển hình đổi mới sáng tạo có đóng góp thay đổi tư duy, phương thức quản lý, sản xuất, kinh doanh. Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 02/12/2025 của UBND tỉnh về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến năm 2045.</p>	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương; viện, trường, doanh nghiệp	2026-2030	
41	<p>Hình thành trung tâm đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư mạo hiểm phù hợp với thực tế địa phương. Định hướng thành lập trung tâm đổi mới sáng tạo trong các trường đại học, cao đẳng, doanh nghiệp trên địa bàn. Khuyến khích hình thành quỹ phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Xây dựng mạng lưới đổi mới sáng tạo mở; tăng cường liên kết các trung tâm đổi mới sáng tạo, các trung tâm nghiên cứu và phát triển trong nước và quốc tế nhằm thu hút nguồn lực thúc đẩy phát triển công nghệ mới, sản phẩm mới, hình thành doanh nghiệp mới ở địa phương. Thúc đẩy hợp tác, liên kết giữa doanh nghiệp, nhà khoa học, cơ sở nghiên cứu trong hoạt động đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu suất, cải tiến công nghệ, phát triển công nghệ.</p>	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương; viện, trường, doanh nghiệp	2026-2030	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
IV	Nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số toàn diện				
42	<p>Thực hiện có hiệu quả các chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số của UBND tỉnh đã ban hành để triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030 (Gồm: Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 29/9/2025 về triển khai hạ tầng mạng 5G và IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030; Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 29/9/2025 về ứng dụng Internet vạn vật (IoT) trong một số ngành, lĩnh vực trọng điểm trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025-2030; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 06/10/2025 về phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025-2030; Quyết định số 1035/QĐ-UBND ngày 29/10/2025 về phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025-2030; Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 24/11/2025 về phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 – 2030; Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 20/12/2025 về phát triển ngành công nghiệp bán dẫn tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030, định hướng đến năm 2050; Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 29/12/2025 về phát triển chính quyền số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030; Quyết định 1777/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 về Chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hạ tầng số tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 về phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035; Kế hoạch số 01/KH-UBND-VIETTEL ngày 10/01/2026 về xây dựng Đề án thí điểm phát triển kinh tế không gian tầm thấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Đề án “Ứng dụng và phát triển trí tuệ nhân tạo trong các ngành, lĩnh vực</p>	Theo kế hoạch, chiến lược	Theo kế hoạch, chiến lược	Theo kế hoạch, chiến lược	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
	trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tạo bước phát triển đột phá về công nghệ, góp phần phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Bắc Ninh”;...)				
	<i>Phát triển hạ tầng số và nền tảng số</i>				
43	Lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào định hướng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ưu tiên phát triển hạ tầng số các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, đô thị,...).	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Công Thương; BQL các KCN	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
44	Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (5G, cáp quang); triển khai các trạm thông tin di động 5G, hướng tới 6G.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2026-2030	
45	Hình thành Trung tâm Tính toán hiệu năng cao tại Khu công nghệ thông tin tập trung đã chấp thuận đầu tư, gắn với phương án thuê hạ tầng điện toán đám mây theo quy định, bảo đảm hiệu quả, khả thi.	BQL các KCN tỉnh	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2028	
46	Phát triển hạ tầng IoT kết nối vạn vật phục vụ giám sát môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
47	Phát triển hạ tầng IoT kết nối vạn vật phục vụ giám sát giao thông, đô thị thông minh.	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
48	Tăng cường kết nối, phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai chính quyền số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
49	Nâng cấp, duy trì vận hành ổn định, thông suốt Trung tâm Tích hợp dữ liệu tinh theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, bảo đảm dự phòng, an toàn thông tin, khả năng mở rộng và kết nối với Trung tâm Dữ liệu Quốc gia.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
50	Rà soát, quy hoạch, thu hút đầu tư một số khu công nghiệp công nghệ số.	Ban Quản lý các KCN tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
51	Rà soát, quy hoạch khu nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ tập trung; viện nghiên cứu khoa học, công nghệ cao cấp vùng Thủ đô	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
52	Rà soát, quy hoạch, thu hút đầu tư khu đô thị đại học.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
53	Rà soát, quy hoạch, thu hút đầu tư khu công nghiệp chế biến nông sản công nghệ cao và ứng dụng công nghệ sinh học.	Ban Quản lý các KCN tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
54	Tổ chức triển khai sử dụng nền tảng số dùng chung và thực hiện đầy đủ quyền, trách nhiệm của chủ quản dữ liệu đối với dữ liệu phát sinh trong quá trình sử dụng nền tảng số. Phối hợp với các đơn vị chủ quản nền tảng số dùng chung xây dựng, hoàn thiện nền tảng số đáp ứng yêu cầu thực tế tại tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	
55	Nghiên cứu, thí điểm triển khai nền tảng Bản sao số một số lĩnh vực, UBND cấp xã để phục vụ quy hoạch, quản lý đô thị.	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
56	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
57	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý đô thị thông minh, nâng cao chất lượng sống người dân.	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
58	Triển khai nền tảng số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm giám sát và thu thập dữ liệu phục vụ hệ thống giao thông thông minh; thu phí không dừng tại bến xe, bãi đỗ trong đô thị.	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
59	Triển khai nền tảng số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm giám sát và thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường, hệ thống thông tin địa lý; hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
60	Triển khai nền tảng số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm hỗ trợ phân tích, cảnh báo các nguy cơ quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.	Bộ CHQS tỉnh, Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
61	Ứng dụng AI để hỗ trợ phân tích dữ liệu, rà soát xung đột pháp lý, dự báo rủi ro; thí điểm cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) hỗ trợ ra quyết định đối với một số thủ tục hành chính đơn giản, bảo đảm trách nhiệm giải trình của cơ quan, người có thẩm quyền.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
62	Nghiên cứu xây dựng nền tảng AI cấp tỉnh theo hướng tích hợp, sử dụng chung và mở rộng năng lực của Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung và Nền tảng Trợ lý ảo quốc gia, bảo đảm kế thừa, dùng chung tài nguyên và tránh trùng lặp hạ tầng, tuân thủ quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
	Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các cơ quan của hệ thống chính trị				

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
63	Thúc đẩy mạnh mẽ triển khai chuyển đổi số, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh, bảo mật, góp phần cải cách thủ tục hành chính trong Đảng.	Văn phòng Tỉnh uỷ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
64	Phát triển mạnh chính quyền số, điều hành dựa trên dữ liệu. Gắn kết chặt chẽ chuyển đổi số với sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh gọn đầu mối, giảm tầng nấc trung gian, thực hiện xử lý công việc trên môi trường số thống nhất.	Các sở, ngành, địa phương	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
65	Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số tỉnh Bắc Ninh và điều chỉnh các hệ thống thông tin phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2026	
66	Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao, hỗ trợ ra quyết định dựa trên cơ sở dữ liệu và phân tích khoa học trong hoạt động quản lý nhà nước.	Các sở, ngành, địa phương	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
67	Triển khai thí điểm mô hình đơn vị hành chính số ở cấp xã; áp dụng quy trình làm việc dựa trên dữ liệu, phân quyền số hóa tự động nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả phục vụ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
68	Chuyển đổi hoạt động chỉ đạo, điều hành sang môi trường số dựa trên dữ liệu (data-driven) thông qua Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) và Hệ thống thông tin báo cáo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
69	Triển khai đánh giá tác động, đánh giá rủi ro AI trong hoạt động công vụ; bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình. Xây dựng quy định về sử dụng AI trong xử lý công việc, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và ra quyết định hành chính.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	
70	Xây dựng và triển khai hiệu quả Đề án chuyển đổi số toàn diện cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Quý II/2026 ban hành Đề án; triển khai hiệu quả theo lộ trình Đề án	
71	Từng bước chuyển đổi số toàn diện cấp xã theo mô hình “xã, phường thông minh”, “thôn, tổ dân phố số”, trọng tâm là cung cấp dịch vụ công trực tuyến, truyền thanh số, camera an ninh, giám sát môi trường, quản lý đô thị, nền tảng tương tác với người dân,... bảo đảm đồng bộ với chính quyền số cấp tỉnh.	UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	2026-2030	
72	Tái cấu trúc quy trình, cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thực hiện thủ tục hành chính "phi tiếp xúc", không phụ thuộc địa giới hành chính. Số hóa 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính, hồ sơ lưu trữ để tái sử dụng dữ liệu.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	
73	Tăng cường chỉ đạo điều hành, giám sát đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công dựa trên dữ liệu và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
74	Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian thực; ứng dụng AI phân tích dữ liệu để dự báo, cảnh báo sớm tình trạng hồ sơ quá hạn, chậm tiến độ; hình thành bảng xếp hạng (Dashboard) đánh giá hiệu suất công việc của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
75	Nghiên cứu thí điểm xây dựng mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công thông minh tích hợp AI, IoT, Big Data trong toàn bộ quy trình tiếp nhận, xử lý, trả kết quả thủ tục hành chính; triển khai hệ thống nhận diện khuôn mặt, nhận diện giọng nói phục vụ định danh, hướng dẫn người dân; xây dựng trợ lý ảo (chatbot/voicebot) hỗ trợ giải đáp thắc mắc, hướng dẫn thủ tục 24/7; ứng dụng robot hướng dẫn, phục vụ người dân tại bộ phận tiếp nhận; phát triển ứng dụng di động tích hợp đầy đủ các tiện ích tra cứu, nộp hồ sơ, theo dõi tiến độ, đánh giá hài lòng, thanh toán trực tuyến.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
76	Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển công dân số toàn diện giai đoạn 2026 - 2030. Phấn đấu mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2026 ban hành Kế hoạch, triển khai theo lộ trình Kế hoạch đã ban hành	
77	Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng, tạo lập niềm tin số.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
78	Phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân.	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; Tỉnh đoàn; các xã, phường	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	
79	Xây dựng Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá trên địa bàn tỉnh; Bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng, môi trường số.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2026 ban hành Đề án, triển khai hiệu quả theo lộ trình Đề án đã ban hành	
80	Xây dựng văn hóa số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Bắc Ninh trên môi trường số.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	
81	Phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao gắn với khơi dậy tiềm năng kinh tế di sản.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	
82	Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hoá, các di sản văn hóa số.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	
83	Xây dựng và triển khai Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo.	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2026 ban hành Đề án, triển khai hiệu quả theo lộ	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
				trình Đề án đã ban hành	
84	Triển khai Đề án nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2026 ban hành Đề án, triển khai hiệu quả theo lộ trình Đề án đã ban hành	
	<i>Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động chuyển đổi số trong doanh nghiệp</i>				
85	Xây dựng, triển khai Đề án chuyên đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Trình UBND tỉnh trước ngày 30/4/2026 và triển khai hiệu quả theo lộ trình Đề án đã ban hành	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
86	Triển khai Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2026 ban hành Đề án, triển khai hiệu quả theo lộ trình Đề án đã ban hành	
87	Thúc đẩy chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh; xây dựng các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ của tỉnh đầu tư ra thị trường trong và ngoài nước.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	
88	Triển khai áp dụng bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Hằng năm	
89	Thu hút, thúc đẩy hình thành doanh nghiệp công nghệ quy mô lớn trên địa bàn tỉnh để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, bảo đảm an toàn, an ninh mạng.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	Hằng năm	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
90	Xây dựng cơ chế thu hút doanh nghiệp công nghệ hàng đầu đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Bắc Ninh theo nguyên tắc: Sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực tỉnh Bắc Ninh đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ tại tỉnh và các địa phương khác; có đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Bắc Ninh.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
91	Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ chủ lực của tỉnh trên môi trường số; cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số.	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương	Xây dựng chương trình giai đoạn 2026-2030 ban hành trong tháng 4/năm 2026; triển khai theo chương trình ban hành	
92	Đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt, thương mại điện tử và các dịch vụ số phục vụ doanh nghiệp và người dân.	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
93	Phát triển kinh tế số, xã hội số theo tinh thần Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 24/11/2025 của UBND tỉnh; công nghiệp bán dẫn theo Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 20/12/2025; thí điểm phát triển kinh tế không gian tầm thấp theo Kế hoạch số 01/KH-UBND-VIETTEL ngày 10/01/2026.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Theo lộ trình Kế hoạch UBND tỉnh	
94	Phát triển kinh tế dữ liệu gắn với khai thác Kho dữ liệu dùng chung và Công dữ liệu mở.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
95	Phổ cập VNeID mức độ 2 cho 100% người dân trưởng thành; chuẩn hóa định danh số phục vụ dịch vụ công, giao dịch tài chính, y tế, giáo dục và các tiện ích dân sinh.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
96	Nâng cao vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng gắn với đẩy mạnh phong trào “Bình dân học vụ số”.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
97	Tiến hành đánh giá hiệu quả khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
	<i>Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin</i>				
98	Tăng cường giám sát trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
99	Xây dựng, nâng cấp, vận hành Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng (SOC).	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	2026	
100	Đẩy mạnh sử dụng các phần mềm bản quyền, đặc biệt các phần mềm chuyên ngành trong các cơ quan trong hệ thống chính trị; nghiên cứu, đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Make in Việt Nam”.	Các sở, ngành, địa phương	Công an tỉnh	2026-2030	
101	Tăng cường hướng dẫn và triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
102	Triển khai Đề án phát hiện, đấu tranh ngăn chặn hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Theo lộ trình của Trung ương và kế hoạch của tỉnh	
103	Triển khai Đề án nâng cao năng lực hoạt động của các lực lượng quốc gia về bảo đảm an toàn, an ninh mạng;	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Theo lộ trình của Trung ương và kế hoạch của tỉnh	
104	Triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về an toàn thông tin mạng.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Theo lộ trình của Trung ương và kế hoạch của tỉnh	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
105	Ban hành Quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	2026	
106	Hướng dẫn, triển khai các giải pháp mã hóa, bảo mật thông tin, dữ liệu trong lĩnh vực quốc phòng.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	2026	
107	Tăng cường giám sát, kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	
108	Triển khai các biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	
109	Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, diễn tập, tập huấn về an toàn thông tin, an ninh mạng hằng năm.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	
110	Củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng; đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố an ninh mạng hoạt động 24/7.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	
111	Triển khai mô hình bảo vệ 4 lớp; bảo đảm 100% hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ an toàn và triển khai phương án bảo vệ tương ứng.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
112	Thực hiện mã hóa đầu cuối, bảo mật theo lớp, phân quyền truy cập chặt chẽ, ghi nhật ký truy cập đối với dữ liệu danh tính người tố cáo và hồ sơ vụ việc tham nhũng trong Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, nhằm phòng ngừa nguy cơ lộ, lọt thông tin trong bối cảnh dữ liệu được chia sẻ, liên thông giữa các cấp chính quyền.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	

Phụ lục III

Phân công thực hiện giải pháp đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030

(kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2026 của UBND tỉnh)

TT	Tên giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
I	Tăng cường chỉ đạo của các cấp chính quyền, huy động sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, các tầng lớp nhân dân				
1	Chỉ đạo cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và người dân, nhất là người đứng đầu tiếp tục tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện và nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của Nghị quyết số 57-NQ/TW, các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xác định rõ trách nhiệm và chủ động triển khai thực hiện. Xác định sự nghiệp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số không phải là công việc riêng của Ngành Khoa học và Công nghệ mà là sự nghiệp của toàn dân, toàn xã hội, đòi hỏi sự tham gia của mọi cấp, mọi ngành, cộng đồng doanh nghiệp và mọi người dân trên địa bàn tỉnh.	Các sở, ngành, địa phương		2026-2030	
2	Phát huy vai trò ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Đề án 06 các cấp.	Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Đề án 06 các cấp		2026-2030	
3	Từng bước xem xét bố trí cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	

TT	Tên giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
4	Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng cán bộ, công chức, viên chức gắn với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
5	Gắn trách nhiệm trực tiếp của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, tổ chức với kết quả phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương, đơn vị; gắn trách nhiệm trực tiếp của lãnh đạo phụ trách ngành, lĩnh vực, địa phương với kết quả phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở ngành, lĩnh vực, địa phương phụ trách.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
6	Nâng cao năng lực quản trị nhà nước đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặc biệt là năng lực hoạch định, tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách; đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền; nhà nước chủ yếu quản lý theo nguyên tắc hậu kiểm, tập trung đánh giá kết quả thực hiện, không can thiệp vào phương pháp, quy trình thực hiện; bảo đảm quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.	Các sở, ngành, địa phương		2026-2030	
7	Hoàn thiện hệ thống thông tin, dự báo, đo lường, đánh giá hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Hàng năm	
8	Đẩy mạnh truyền thông việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh.	Các sở, ngành, địa phương theo Kế hoạch 34/KH-UBND		Theo Kế hoạch 34/KH-UBND	
9	Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền trên nền tảng số của cơ quan báo chí, các ngành, địa phương trong tỉnh.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	
10	Báo và Phát thanh, Truyền hình Bắc Ninh duy trì chuyên trang, chuyên mục, chương trình về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; quan tâm đến các	Báo và Phát thanh, Truyền hình Bắc Ninh	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	

TT	Tên giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
	sân chơi cho đối tượng cần khuyến khích là trẻ em, thanh thiếu niên.				
11	Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trên địa bàn.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	
12	Phát động các phong trào thi đua sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đổi mới sáng tạo trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân; khuyến khích mỗi cá nhân, tổ chức đề xuất sáng kiến, ý tưởng cải tiến kỹ thuật trong công việc và cuộc sống.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Hàng năm	
13	Mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	
14	Duy trì các giải thưởng, cuộc thi, hội thi dành cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Hàng năm	
15	Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Thiết lập hệ thống giám sát, đo lường tự động, sử dụng Dashboard.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
II	Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách địa phương để huy động nguồn lực thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số				

TT	Tên giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
16	Huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực tài chính phát triển hạ tầng, xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Tài chính	Hàng năm	
17	Phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công; ngân sách tỉnh tập trung đầu tư cho các hạ tầng số dùng chung, các nền tảng lõi và dữ liệu số nền tảng; bảo đảm tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của Trung ương.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	Hàng năm	
18	Đẩy mạnh xã hội hóa; khuyến khích doanh nghiệp tư nhân đầu tư hạ tầng viễn thông, các nền tảng dịch vụ số theo hình thức đối tác công tư; huy động nguồn lực từ các tập đoàn công nghệ lớn để phát triển các dự án thông minh.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	
19	Khuyến khích hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin (đặc biệt là hạ tầng cloud, phần mềm dùng chung) để tối ưu chi phí và bảo đảm công nghệ luôn cập nhật.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Thường xuyên	
20	Xây dựng danh mục nhu cầu công nghệ, các bài toán lớn, các dự án trọng điểm để kết nối giải pháp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gắn với huy động nguồn lực xã hội.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương; viện, trường, doanh nghiệp	Hàng năm	
21	Thực hiện hiệu quả các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo quy định của pháp luật.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương, hiệp hội/hội doanh nghiệp, doanh nhân	Thường xuyên	

TT	Tên giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
22	Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển; tăng cường đầu tư năng lực cho các tổ chức khoa học công nghệ; thúc đẩy cơ chế hợp tác công tư. Cơ chế, chính sách khuyến khích kết nối vùng, chia sẻ phòng thí nghiệm, nhân lực chất lượng cao với thành phố Hà Nội và các địa phương nằm trong Vùng Thủ đô.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	2027	
23	Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích tinh thần khởi nghiệp sáng tạo trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; khuyến khích hoạt động chuyển giao công nghệ, thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, thanh niên khởi nghiệp; cơ chế, chính sách đối với hoạt động của doanh nghiệp khoa học và công nghệ, sản giao dịch công nghệ, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát; cơ chế, chính sách khuyến khích chuyển giao công nghệ lõi, công nghệ chiến lược có tác động lan tỏa lớn như: Trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, tự động hóa, thiết bị bay không người lái, công nghệ sinh học, vật liệu mới, năng lượng tái tạo;...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	2027	
24	Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ; phát triển công nghiệp bán dẫn, công nghiệp công nghệ số; cơ chế, chính sách hợp tác công tư trong tạo lập, chia sẻ dữ liệu trên địa bàn tỉnh; cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động sở hữu trí tuệ, khuyến khích thương mại hóa sáng chế; hỗ trợ phát triển và nâng cao năng lực các tổ chức trung gian và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; cơ chế, chính sách thu hút, ưu đãi, hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	2027	
25	Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, ưu đãi, hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	2026	

TT	Tên giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
26	Nghiên cứu thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp	2026	
27	Nghiên cứu khuyến khích thành lập Quỹ phát triển khoa học, công nghệ trong các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp	2027	
28	Tăng cường cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức, người dân, doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.	Các sở, ngành, địa phương		Thường xuyên	
29	Triển khai cơ chế “Luồng xanh” trong giải quyết thủ tục hành chính đối với các dự án trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	
III	Quy hoạch, hoàn thiện không gian, hạ tầng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
30	Rà soát, bổ sung không gian, hạ tầng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và không gian, hạ tầng cho phát triển công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; BQL các KCN tỉnh	Quý II/2026	
31	Rà soát, bổ sung không gian, hạ tầng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và không gian, hạ tầng cho phát triển công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn trong điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị tỉnh Bắc Ninh đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2070.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; BQL các KCN tỉnh	2026	
32	Tổ chức triển khai các chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án phát triển hạ tầng năng lượng, bảo đảm an ninh năng lượng, nhất là năng lượng sạch, ổn định cho hoạt động của các khu công nghiệp công nghệ số, trung tâm tính toán hiệu năng cao, trung tâm dữ liệu,....	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	

TT	Tên giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
33	Từng bước thu hút đầu tư các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm theo quy hoạch.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
34	Triển khai có hiệu quả Kế hoạch phát triển hạ tầng số của tỉnh đến năm 2030; Quy chế về chia sẻ hạ tầng số; Kế hoạch phát triển hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực trọng điểm; Đề án ứng dụng và phát triển trí tuệ nhân tạo trong các ngành, lĩnh vực;... trên địa bàn tỉnh.	Theo các kế hoạch, quy chế, đề án đã ban hành	Theo các kế hoạch, quy chế, đề án đã ban hành	Theo các kế hoạch, quy chế, đề án đã ban hành	
35	Tiếp tục phát triển nhanh hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững; hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	
36	Xây dựng và triển khai Đề án đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, địa phương	Theo Đề án được duyệt	
37	Nghiên cứu, đăng ký thí điểm triển khai bản sao số tại tỉnh Bắc Ninh nếu đáp ứng đủ điều kiện theo hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương.	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, địa phương	2026	
38	Tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện, tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành Trung ương; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác.	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Theo kế hoạch của Trung ương và tỉnh	
39	Thực hiện nghiêm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực; tuân thủ Khung kiến trúc chính quyền số và kiến trúc dữ liệu của tỉnh để bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Thường xuyên	

TT	Tên giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
40	Đẩy nhanh tiến độ dự án khu công nghệ thông tin tập trung đã được chấp thuận đầu tư gắn với hình thành trung tâm tính toán hiệu năng cao.	BQL các KCN tỉnh	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2027	
41	Sớm hoàn thiện thủ tục để thu hút đầu tư các dự án có nhiều tiềm năng, đủ điều kiện như: Khu đào tạo nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ I (khu đô thị đại học I); khu đào tạo nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ II (khu đô thị đại học II); khu y dược tập trung;...	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	2026	
42	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các không gian đã có trong quy hoạch của tỉnh: Khu nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ tập trung; viện nghiên cứu khoa học, công nghệ cao cấp vùng Thủ đô.	Sở Tài chính	Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ	2026	
IV	Phát triển nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số				
43	Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ tri thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ, Chương trình số 06-CTr/TU ngày 05/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch 170/KH-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.	Theo Kế hoạch 170/KH-UBND	Theo Kế hoạch 170/KH-UBND	Theo Kế hoạch 170/KH-UBND	
44	Xây dựng Đề án phát triển các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, địa phương	2026	
45	Xây dựng chương trình, kế hoạch hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn phòng UBND tỉnh;	Hằng năm	

TT	Tên giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
			Sở Khoa học và Công nghệ		
46	Thu hút đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở giáo dục đại học và trung tâm đào tạo chuyên sâu về công nghệ chiến lược trên địa bàn.	Sở Tài chính	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các sở, ngành, địa phương liên quan	Hàng năm	
47	Rà soát, ban hành Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đến năm 2030.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, địa phương	2026	
48	Xây dựng Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, địa phương	2026	
49	Triển khai Chương trình quốc gia phát triển nhân tài khoa học, công nghệ, công nghiệp công nghệ số, thu hút chuyên gia toàn cầu và người Việt Nam ở nước ngoài.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, địa phương	2026	
50	Tích cực chuẩn bị trước một bước nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong tương lai. Tăng cường đào tạo kiến thức về khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực tin học, ngoại ngữ, rèn luyện năng lực thiết kế sáng tạo gắn với các dự án thực tế trong trường phổ thông, đặc biệt thông qua hình thức đào tạo STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học) và STEAM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học) và đào tạo kỹ năng số ở mọi cấp học, gắn với duy trì tổ chức các hội thi, cuộc thi.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, địa phương	Hàng năm	
51	Tăng cường định hướng nghề nghiệp và tư vấn theo đuổi khoa học, kỹ thuật và ngành kỹ thuật trong các trường học phổ thông và các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các địa phương	Hàng năm	
52	Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số... để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các địa phương	2026	

TT	Tên giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
53	Đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy, học tập.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, địa phương	Hàng năm	
54	Đưa đào tạo kiến thức về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và năng suất vào các chương trình đào tạo cao đẳng, đào tạo nghề và đại học trên địa bàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	
55	Xây dựng, nâng cấp, phát huy vai trò của nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	
56	Xây dựng các chương trình khuyến khích sinh viên thực hiện nghiên cứu khoa học, tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong nhà trường, nhất là các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	
57	Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị, địa phương theo yêu cầu, quy định.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Quý II/2026	Theo Chương trình 02-CTr/BCĐTW
58	Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Hàng năm	
59	Gắn triển khai phong trào “bình dân học vụ số” với nhân rộng mô hình “Học từ làm việc thực tế”.	Các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	
60	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong khu vực doanh nghiệp, nhất là nguồn nhân lực quản trị công nghệ.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; viện, trường.	Hàng năm	
61	Tạo kênh kết nối giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp về nhu cầu đào tạo, sử dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	

TT	Tên giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
62	Thiết lập cơ chế khuyến khích doanh nghiệp thuộc nhóm ngành kỹ thuật và công nghệ tiếp nhận sinh viên thực tập từ khu vực đại học, cao đẳng trên địa bàn.	Sở Tài chính	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ	2026	
63	Đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa chương trình đào tạo nhân lực quản trị công nghệ ở các trình độ, cấp độ khác nhau.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	2026	
64	Thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Khoa học và Công nghệ	Theo Kế hoạch của tỉnh	
V	Tăng cường hợp tác, liên kết trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
65	Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	
66	Tăng cường ký kết chương trình phối hợp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận trong và ngoài khu vực trong triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo; chú trọng kết nối, chia sẻ phòng thí nghiệm, nhân lực chất lượng cao với thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan	Hàng năm	
67	Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Hàng năm	

TT	Tên giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Ghi chú
68	Kết nối hiệu quả với mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học Việt Nam ở trong và ngoài nước, đặc biệt là các chuyên gia, nhà khoa học quê hương Bắc Ninh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Liên hiệp các hội KHKT tỉnh	Hằng năm	
69	Tích cực học tập kinh nghiệm quốc tế và trong nước. Đẩy mạnh hoạt động ngoại giao công nghệ gắn với xúc tiến đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp công nghệ lớn đến sản xuất, đặt trụ sở tại tỉnh, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện, tiềm năng, định hướng phát triển của tỉnh, nhất là trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng và các công nghệ chiến lược khác.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Hằng năm	